

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 08-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Ngày 08-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-DS ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Lâm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Vào năm 2017 đến năm 2020 (al) bà Lê Thị Phương T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Lâm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T, kết thúc những lần nuôi tôm thì ông Q và bà T có thanh toán nhưng thanh toán không hết mà mỗi vụ vẫn còn nợ lại cụ thể như sau:

Lần thứ nhất thanh toán đủ.

Lần thứ 2 ngày 06/9/2018 tổng số tiền thức ăn và thuốc là 9.466.000 đồng ông Qbà T đến ngày 04/11/2018 trả được 4.000.000 đồng còn nợ lại 5.466.000 đồng.

Lần thứ 3 ngày 22/10/2018(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 25.234.000 đồng cộng nợ củ là 5.466.000 đồng. Tổng cộng là 30.700.000 đồng ông Qbà T đến ngày 03/02/2019 trả được 20.000.000 đồng còn nợ lại 10.700.000 đồng.

Lần thứ 4 ngày 10/02/2019(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 88.619.000 đồng đến ngày 17/4/2019(al) ông Qlại trả tiền mới cộng nợ củ là 10.700.000 đồng bà T bớt 700.000 đồng. Tổng cộng là 98.619.000 đồng ông Qbà T trả được 70.000.000 đồng còn nợ lại 28.619.000 đồng đến ngày 29/4/2019(al) ông Qtrả thêm 10.000.000 đồng còn nợ lại là 18.619.000 đồng.

Lần thứ 5 ngày 16/4/2019(al) ông Qthức ăn và thuốc là 53.556.000 đồng trả lại thức ăn dư là 1.600.000 đồng và trả 40.000.000 đồng ông Qbà T còn nợ lại 11.956.000 đồng.

Lần thứ 6 ngày 01/06/2019(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 32.892.000 đồng ngày 03/7/2019 trả được 20.000.000 đồng còn nợ lại 12.892.000 đồng mua thêm thức ăn 7.040.000 đồng. Đến ngày 11/7/2019 (al) bà T cộng cái củ và mới là 49.888.000 đồng ông Qtrả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 39.888.000 đồng, gửi lại thức ăn dư tính ra tiền là 2.304.000 đồng, còn lại 37.584.000 đồng, đến ngày 21/7/2019(al) ông Qtrả được 10.000.000 đồng còn lại 27.584.000 đồng.

Lần thứ 7 ngày 30/8/2019(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 1.540.000 đồng không trả.

Lần thứ 8 ngày 17/01/2020(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 19.908.000 đồng không trả.

Lần thứ 9 ngày 06/5/2020(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 13.825.000 đồng không trả.

Lần thứ 10 ngày 27/8/2020(al) tổng số tiền thức ăn và thuốc là 7.679.000 đồng không thanh toán khoản nào. Như vậy cộng các kỳ ông Q bà T không thanh toán từ kỳ thứ 6 đến kỳ thứ 10 ông Qbà T còn nợ tổng số tiền là 70.536.000 đồng.

Nay bà Lê Thị Phương T yêu cầu vợ chồng ông Qbà T phải trả cho bà số tiền vốn là 70.536.000 đồng. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo trình tự thủ tục tổng tụng nhưng ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Ông Qbà T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương T về việc ông bà còn thiếu tiền thức ăn và thuốc với số tiền 70.536.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T cư trú tại ấp Thuận Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Bà Lê Thị Phương T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T trả số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc với số tiền 70.536.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T về việc yêu cầu ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ lại nguyên đơn là 70.536.000 đồng theo sổ theo dõi bán hàng của nguyên đơn tính đến ngày 20/8/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông Qvà bà T không có ý kiến đối với việc khởi kiện của bà Lê Thị Phương T về số tiền mà vợ chồng ông bà còn nợ bà T là 70.536.000 đồng, ông bà cũng không đến để tham gia hòa giải để thỏa thuận việc trả nợ cho nguyên đơn, việc ông Qvà bà T không có ý kiến cũng không đến tòa để có ý kiến đối với việc khởi kiện của bà Lê Thị Phương T như vậy ông Qvà bà T đã thừa nhận số tiền còn nợ bà T như bà T đã khởi kiện, do đó Hội đồng xét xử xác định ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T còn nợ bà Lê Thị Phương T số tiền 70.536.000 đồng.

[4] Do bị đơn ông Lâm Hồng Qvà bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị Phương T số tiền 70.536.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Phương T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.526.800 đồng theo quy định tại khoản 2

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27; Điều 30, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T đối với bị đơn ông Lâm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lâm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Phương T số tiền 70.536.000 đồng (Bảy mươi triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lâm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.526.800 đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị Phương T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.763.000 đồng theo biên lai thu số 0005426 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nhiệm